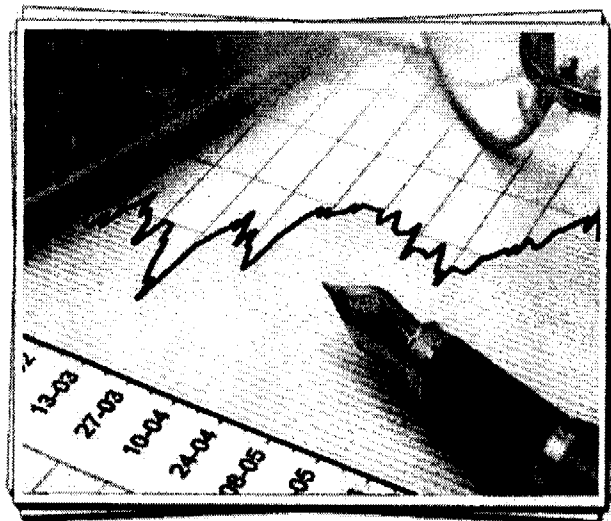


ASBANK

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2016



TP.HCM, Tháng 04 năm 2017

TRUNG
* M.S.D.

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÓM TẮT	3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CHI TIẾT	7
I. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH	7
II. KẾT QUẢ VỀ KHÁCH HÀNG – ĐỐI NGOẠI	
1. Khách hàng cá nhân	8
2. Khách hàng doanh nghiệp	10
3. Hoạt động đầu tư và liên ngân hàng	12
4. Hoạt động phát triển mạng lưới và thương hiệu	
III. KẾT QUẢ VỀ VẬN HÀNH – TỔ CHỨC	
1. Quản lý tín dụng	14
2. Quản lý rủi ro	14
3. Quản lý vận hành	15
4. Tiến độ thực hiện 5 mục tiêu và 20 sáng kiến chiến lược	16
5. Quản lý Công nghệ thông tin	18
IV. KẾT QUẢ VỀ HỌC TẬP – PHÁT TRIỂN	
1. Số liệu chung về quản lý nguồn nhân lực	18
2. Các hoạt động chính đã triển khai trong năm 2016	19

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tóm tắt tổng quan thị trường và kết quả hoạt động kinh doanh 2016 của ABBANK

Kinh tế thế giới năm 2016 tiếp tục tăng trưởng ở mức thấp năm thứ 5 liên tiếp (dưới mức 3,7% của năm 2010). Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ước tính GDP toàn cầu chỉ tăng 3,1% năm 2016 (thấp hơn 0,1% so với năm 2015) do phải đối mặt với các vấn đề năng suất lao động chậm cải thiện tại các nước phát triển, tăng trưởng thương mại toàn cầu thấp hơn dự kiến, giá cả hàng hóa cơ bản tiếp tục giảm khá mạnh, những tác động tiêu cực từ Brexit và diễn biến khó lường sau khi Donald Trump đắc cử Tổng thống Mỹ. Trong khi đó, các chính sách nới lỏng tiền tệ (lãi suất thấp hoặc âm, các gói nới lỏng định lượng và định tính...) tại hầu hết các nước không mấy hiệu quả đối với tăng trưởng và lạm phát.

Trong bối cảnh phục hồi kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam 2016 vẫn cho thấy nhiều tín hiệu tích cực bên cạnh một số khó khăn, thách thức. Tăng trưởng GDP dừng ở mức 6,21%, thấp hơn so với 6,68% của năm 2015 và không đạt mức kế hoạch 6,7%. Tuy nhiên đây chỉ là sự sụt giảm tổng cung mang tính chất chu kỳ và sẽ hồi phục trong ngắn hạn. Về dài hạn, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tích cực với xuất khẩu mạnh và đầu tư nước ngoài lớn; và ổn định kinh tế vĩ mô nhờ vào nỗ lực cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh trong những năm gần đây. CPI năm 2016 được kiểm soát dưới 5%, ở mức 4,74%, trong khi đó lạm phát cơ bản cũng được giữ ổn định, tăng 1,87% so với 2015. Năm 2016, mức bội chi Ngân sách Nhà nước là 192,2 nghìn tỷ đồng, tăng 6,96% so với năm 2015. Môi trường kinh doanh được cải thiện đáng kể, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng đột biến (tăng 24,1% so năm trước), số lượng đăng ký mới cũng tăng tới 16,19%, trái ngược với mức giảm của các doanh nghiệp phá sản và chờ phá sản.

Hệ thống tài chính Việt Nam phát triển khá lành mạnh, an toàn với nguồn thanh khoản dồi dào. Tín dụng tăng trưởng khá tốt (18,71%) đi đôi cùng tăng trưởng huy động (18,38%). Nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế tiếp tục tăng so với cuối năm 2015, nguồn vốn tín dụng được phân bổ hiệu quả hơn và tập trung vào các lĩnh vực

ưu tiên. Trong khi đó, quá trình tái cơ cấu hệ thống tài chính ngân hàng đạt được nhiều kết quả bước đầu và tiếp tục lộ trình làm sạch hệ thống ngân hàng, xử lý nợ xấu và các ngân hàng yếu kém.

Các thành tựu quan trọng đã đạt được trong năm 2016

Năm 2016 chứng kiến nền kinh tế thế giới diễn biến khó lường, tăng trưởng kinh tế trong nước có phần chững lại và sức khỏe ngành ngân hàng tiếp tục được cải thiện với việc quyết liệt thực hiện cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu mà đặc biệt là các ngân hàng yếu kém. Trong bối cảnh đó, kiên định với mục tiêu ngân hàng bán lẻ đã được Hội đồng Quản trị (HĐQT) phê duyệt, bằng định hướng rõ ràng và các phương án ứng phó linh hoạt, hoạt động kinh doanh của ABBANK năm 2016 ghi dấu ấn với những kết quả nổi bật.

- Kết thúc năm 2016, Du nợ TT1 đạt 40.141 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch năm 2016 và tăng 30% so với năm 2015, cao hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn ngành (18,71%). Huy động TT1 hoàn thành chỉ tiêu cả năm 2016 với 52.228 tỷ đồng, tăng trưởng 9% so với 2015.
- Lợi nhuận toàn hàng vượt kế hoạch 2016. Kết thúc năm 2016, lợi nhuận trước thuế của ABBANK đạt 288,4 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch đề ra 34% và bằng 268% so với năm 2015.
- Sau nhiều năm tập trung thực hiện kiện toàn mạng lưới, tính đến 31/12/2016 mạng lưới của ABBANK chính thức chạm mốc 159 điểm giao dịch (tăng thêm 13 điểm giao dịch so với năm 2015) và vươn tới 33 tỉnh thành trên cả nước (tăng thêm 4 tỉnh thành so với năm 2015).
- ABBANK và FWD ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược phân phối sản phẩm bảo hiểm tại Việt Nam. Theo đó, FWD sẽ trở thành đối tác bảo hiểm - ngân hàng độc quyền của ABBANK tại Việt Nam, cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và tiết kiệm thông qua kênh phân phối của ABBANK tại Việt Nam. Với sự hợp tác này, ABBANK khẳng định mục tiêu trở thành một trong những Ngân hàng Việt Nam đi đầu trong lĩnh vực bảo hiểm - ngân hàng, chú trọng chất lượng dịch vụ, tiếp tục nâng cao uy tín và thương hiệu ABBANK trên thị trường tài chính.

ABBANK

- Xuất phát từ hoạt động kinh doanh với nguồn huy động ổn định, thanh khoản tốt, chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện và an toàn vốn ở mức cao so với yêu cầu của Ngân hàng nhà nước, Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm cơ sở (BCA) của ABBANK từ mức B3 lên B2. Xếp hạng tín nhiệm rủi ro đối tác (CRA) cũng được nâng từ B2 lên B1, triển vọng ổn định. Kết quả này một lần nữa khẳng định ABBANK đang phát triển một cách an toàn và bền vững, nâng cao uy tín và vị thế của ABBANK trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.
- ABBANK đạt chứng nhận bảo mật PCI DSS. Đến cuối năm 2016, ABBANK là ngân hàng thứ 7 (trong tổng số hơn 40 ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam đã và đang triển khai thanh toán và phát hành thẻ quốc tế) tại Việt Nam được trao chứng chỉ này và là ngân hàng thứ 2 nhận chứng chỉ PCI DSS V3.2 (phiên bản mới nhất của PCI) với nhiều điều kiện chặt chẽ hơn.

Bảng tóm tắt kết quả các mục tiêu tài chính 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch	So với	
	N.2016	N.2015	N.2016	thực hiện	Kế hoạch (%)
Tổng tài sản	74.432	64.662	70.000	115%	106%
Dư nợ	49.555	41.195	45.632	120%	109%
- Thị trường 1	40.141	30.915	40.195	130%	100%
- Thị trường 2	9.414	10.280	5.437	92%	173%
Huy động	65.333	56.977	58.305	115%	112%
- Thị trường 1	52.228	47.881	52.305	109%	100%
- Thị trường 2	13.105	9.096	6.000	144%	218%
Nợ xấu nhóm 3-5	1.020	735	814	139%	125%
- Tỷ lệ Nợ xấu/Tổng dư nợ	1,95%	1,72%	1,78%		
- Tỷ lệ Nợ xấu/Dư nợ TTI	2,54%	2,38%	2,02%		
Lợi nhuận trước DPRRTD	927,7	770,9	917,8	120%	101%
Tổng chi phí dự phòng RRTD	639,3	663,2	703,3	96%	91%
Lợi nhuận trước thuế	288,4	107,7	214,5	268%	134%

Bảng tóm tắt các chỉ tiêu tài chính quan trọng 2016

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch	Đơn vị tính
	N.2016	N.2015	N.2016	
Suất sinh lời trước thuế/ VCSH (ROaE)	5,0%	1,9%	3,7%	%/năm
Suất sinh lời trước thuế/ Tổng TS (ROaA)	0,4%	0,2%	0,3%	%/năm
LNTT/ Doanh thu	5,4%	2,2%	4,8%	%
Chi phí hoạt động/ Thu nhập ròng (CIR)	55,2%	57,8%	55,5%	%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	13,5%	16,2%	>=9%	%
Tổng TS/ Vốn CSH (A/E)	12,8	11,2	12,0	Lần
Nợ phải trả/ Vốn CSH (D/E)	11,8	10,2	11,0	Lần
Vốn CSH/ Tổng TS (E/A)	7,8%	8,9%	8,3%	%
Nợ phải trả/ Tổng tài sản (D/A)	92,2%	91,1%	91,7%	%
Cho vay 2TT/ Tổng TS (LAR-Hệ số RRTD)	70,1%	66,3%	65,2%	%
Cho vay TT1/ Huy động TT1(LDR)	76,9%	64,6%	76,8%	%
Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro tín dụng/ 1 Nhân viên toàn hàng	286	273	290	đồng/Năm
Chi phí hoạt động/ 1 Nhân viên toàn hàng	354	374	362	đồng/Năm

Báo cáo chi tiết toàn bộ hoạt động của ABBANK năm 2016 được cụ thể hóa trong các thông tin bên dưới. (Các số liệu tổng hợp của Báo cáo đã được kiểm toán).

Trân trọng báo cáo.

Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)



BÁO CÁO KẾT QUẢ CHI TIẾT

I. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch	Vs Thực hiện (%)	Vs Kế hoạch (%)	
	N.2016	N.2015	N.2016	N.2015	N.2016	
Tổng tài sản	74.432	64.662	70.000	115%	106%	
Cho vay	Tổng cho vay	40.141	30.915	40.195	130%	100%
	KHDN	25.118	19.682	25.853	128%	97%
	Cá nhân	15.024	11.233	14.341	134%	105%
Huy động	Tổng huy động	52.228	47.881	52.305	109%	100%
	KHDN	27.279	26.191	29.305	104%	93%
	Cá nhân	24.948	21.690	23.000	115%	108%
LNH	Tiền gửi và cho vay tại TCTD khác	12.327	11.553	6.333	107%	195%
	Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	13.105	9.096	6.000	144%	218%
Đầu tư	Chứng khoán đầu tư	15.891	15.739	16.802	101%	95%
	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-		
	Góp vốn dài hạn	571	571	541	100%	105%
KQ HĐKD	Thu nhập từ lãi	4.440,1	4.090,3	4.171,2	109%	106%
	Chi phí từ lãi	2.648,1	2.430,9	2.290,7	109%	116%
	Thu nhập thuần từ lãi	1.792,0	1.659,4	1.880,5	108%	95%
	Thu nhập thuần từ dịch vụ	123,0	53,2	110,3	231%	112%
	Thu nhập khác	316,8	254,0	227,0	125%	140%
	Tổng thu nhập	2.231,9	1.966,6	2.217,8	113%	101%
	Chi phí hoạt động	1.304,2	1.195,7	1.300,0	109%	100%
	Lợi nhuận HĐ trước dự phòng	927,7	770,9	917,8	120%	101%
	Tổng chi phí dự phòng RRTD	639,3	663,2	703,3	96%	91%
	Lợi nhuận trước thuế	288,4	107,7	214,5	268%	134%

- Phân tích lợi nhuận kinh doanh năm 2016

- Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng TP VAMC năm 2016 đạt 927,7 tỷ, tăng 156,8 tỷ (tương đương tăng 20%) so với năm 2015. Trong đó:
 - Tổng thu nhập tăng 265,3 tỷ (tương đương tăng 13%), bao gồm:
 - + Thu nhập thuần từ lãi tăng 132,6 tỷ (tương đương tăng 8%) so với 2015.
 - + Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 69,8 tỷ (tương đương tăng 131%) so với năm 2015.
 - + Thu nhập khác tăng 62,8 tỷ (tương đương tăng 25%) so với năm 2015.

- Chi phí hoạt động trong năm 2016 là 1.304,2 tỷ đồng, tăng 108,5 tỷ (tương đương 9%) so với năm 2015, tăng trưởng chi phí hoạt động thấp hơn tăng trưởng thu nhập hoạt động 4%, cho thấy chi phí hoạt động đã được kiểm soát hiệu quả.

So với năm 2015, lợi nhuận trước thuế năm nay tăng 180,7 tỷ (tương đương tăng 168%). Nhìn chung, Kết quả hoạt động kinh doanh toàn hàng năm 2016 đạt hiệu quả tốt hơn rõ rệt so với năm 2015, thể hiện qua lợi nhuận hoạt động trước dự phòng đạt 927,7 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2015. Tuy nhiên, do chi phí dự phòng trong năm 2016 tiếp tục ở mức cao, ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của ngân hàng.

II. KẾT QUẢ VỀ KHÁCH HÀNG – ĐỐI NGOẠI

1. Khách hàng cá nhân

1.1 Kết quả hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2016

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch	So với Thực hiện (%)	So với Kế hoạch (%)
	N.2016	N.2015	N.2016	N.2015	N.2016
Huy động	24.948	21.690	23.000	115%	108%
Dư nợ	15.024	11.233	14.341	134%	105%
Số lượng KH	664.599	576.000	699.890	115%	95%
Số lượng ATM	178	167	195	107%	91%
Số lượng POS	1.248	914	1.200	137%	104%

Ghi chú:

- Số lượng ATM: Số lượng ATM lũy kế đến 31/12/2016 là 178 máy; doanh số thu phí ATM đạt 2,13 tỷ đồng, đạt vượt chỉ tiêu 102% so với kế hoạch 2016.
- Số lượng POS: số lượng máy POS lũy kế đến 31/12/2016 là 1.248 máy; Doanh số thu phí POS đạt 394,4 tỷ đồng, tương ứng 105 % so với Kế hoạch 2016. Phí thu POS đạt 5,36 tỷ đồng đạt 94% so với kế hoạch.

1.2 Các thành tựu chính trong năm 2016

Phát triển sản phẩm/dịch vụ

- Triển khai dự án tích điểm sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân (KHCN).
- Phát triển các sản phẩm thẻ phong phú: thẻ đồng thương hiệu (ABBANK-EFORA, ABBANK-ONEHEALTH), thẻ cặp đôi, v,v
- Triển khai sản phẩm YOUfuture trên kênh Online Banking.
- Triển khai thanh toán tiền nước đa dạng với các kênh thanh toán: thanh toán tại quầy, thanh toán tự động, thanh toán trực tuyến với các công ty cấp thoát nước.
- Triển khai thanh toán hóa đơn tiền điện, tiền nước, cước viễn thông... qua ABBANK BankPlus với Viettel.
- Triển khai dịch vụ Mobile Banking đầu tiên của ABBANK với tên gọi ABBANKmobile với chuẩn nhận diện thương hiệu riêng của ABBANK cùng các tính năng thanh toán phong phú đa dạng.
- Triển khai bổ sung các tính năng thanh toán trên Online banking: Quên mật khẩu, thanh toán thẻ game (FPTO, VNG, VGG), vé bay Air Asia, lưu thông tin người thụ hưởng, tính năng tiếp tục giao dịch.
- Triển khai tính năng thanh toán trực tuyến với EVN Hà Nội.

Hoạt động quan hệ đối tác

- Phát triển nhiều đối tác mới trong năm 2016: các đại lý ô tô, dự án, công ty bất động sản, đối tác điểm ưu đãi.
- Cùng với đối tác bảo hiểm (FWD), thực hiện triển khai kinh doanh bảo hiểm tại 34 điểm giao dịch tại Hà Nội và Hồ Chí Minh

2. Khách hàng doanh nghiệp**2.1. Kết quả hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh 2016***Đvt: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch	So với Thực hiện (%)	So với Kế hoạch (%)
	N.2016	N.2015	N.2016	N.2015	N.2016
Huy động	27.279	26.191	29.305	104%	93%
Dư nợ	25.118	19.682	25.853	128%	97%
Số lượng KH	21.907	20.017	25.455	109%	86%

2.2. Các thành tựu chính trong năm 2016**- Hoạt động kinh doanh**

- Tăng trưởng tín dụng hơn 5.436 tỷ VND (tương đương 28%) so với năm 2015 và cải thiện cơ cấu danh mục cho vay, gia tăng hiệu quả cho ngân hàng.
- Tiếp tục thắt chặt mối quan hệ hợp tác với EVN sau thoái vốn, quy mô hợp tác vẫn tiếp tục gia tăng.

- Phát triển sản phẩm dịch vụ:*Đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn*

- Ban hành sản phẩm tài khoản đầu tư vốn trực tiếp, đầu tư vốn gián tiếp.
- Rà soát, cập nhật thêm tính năng mới các sản phẩm quản lý tiền tệ, như các tính năng trên online banking, dịch vụ “Kết chuyển số dư tập trung” phù hợp với nhu cầu kinh doanh đa dạng của khách hàng giúp khách hàng kiểm soát chặt chẽ được dòng tiền.
- Cập nhật các tính năng mới và ban hành dịch vụ thu hộ thuế xuất nhập khẩu, thuế trong nước, nộp thuế điện tử giải quyết nhu cầu nộp thuế kịp thời của doanh nghiệp 24/7, v.v.

Đối với phân khúc khách hàng SMEs

- Phát triển mới các sản phẩm đặc thù dành riêng cho phân khúc này: Cho vay siêu tốc 6 giờ và Duyệt vay nhanh 24 giờ,...

- Rà soát, tinh chỉnh, đơn giản hóa các sản phẩm phù hợp với phân khúc khách hàng SMEs: cho vay thấu chi, cho vay mua xe ô tô.
- Rà soát quy trình, đẩy mạnh triển khai sản phẩm SMEFP III cho ĐVKD.
- Xây dựng chuyên trang dành cho KH SMEs đồng thời cập nhật tính năng mới – chat, tư vấn khách hàng trực tuyến - trên website ABBANK.

- **Hỗ trợ và phát triển kinh doanh**

- Rà soát và tháo gỡ các ngoại lệ phát sinh trong quá trình cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.
- Hỗ trợ đơn vị kinh doanh (ĐVKD) tiếp cận, giám sát diễn biến dư nợ và đưa ra các giải pháp giúp khách hàng ưu tiên nhận nợ, sử dụng các sản phẩm dịch vụ (SPDV) khác tại ABBANK.
- Liên kết với các ngân hàng nước ngoài và các khách hàng triển khai dịch vụ thu chi hộ trên toàn hệ thống ABBANK.
- Ban hành kịp thời các chương trình ưu đãi, chương trình thi đua tạo công cụ phát triển kinh doanh cho các quan hệ khách hàng (QHKH) và ĐVKD.

- **Công tác triển khai dự án**

- Hoàn thành cơ chế phân cấp QHKH Doanh nghiệp.
- Hoàn thành Dự án nâng cao năng lực phân khúc khách hàng SMEs với sự phối hợp của đối tác chiến lược IFC theo lộ trình đề ra.

▪ **Hoạt động doanh nghiệp vừa và nhỏ -SME (bao gồm trong KHDN)**

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch	% So với thực hiện	% So với kế hoạch
	N.2016	N.2015	N.2016	N.2015	N.2016
Dư nợ SMEs	8.104	6.923	8.970	117%	90%
Tỷ trọng trên tổng dư nợ doanh nghiệp	32,26%	35,17%	34,70%	-	-
Huy động SMEs	2.879	2.381	2.500	121%	115%
Tỷ trọng trên tổng huy động doanh nghiệp	10,55%	9,09%	8,53%	-	-
Số lượng KH	19.871	18.567	24.000	107%	83%

- Phát triển quan hệ đối tác

- Trong năm 2016, ABBANK đã thiết lập mới quan hệ đại lý với 10 ngân hàng và duy trì mạng lưới ngân hàng đại lý rộng lớn với gần 500 Ngân hàng đối tác tại 64 quốc gia trên thế giới.
- Hạn mức tài trợ thương mại (TTTM) các ngân hàng nước ngoài cấp cho ABBANK đạt 80 triệu USD. Doanh số bán và bán chéo sản phẩm TTTM với các ngân hàng đại lý đạt 30,4 triệu USD.

3. Hoạt động đầu tư và liên ngân hàng

- Quản lý thanh khoản và hoạt động nguồn vốn

Thanh khoản của ngân hàng luôn được đảm bảo. Tuân thủ theo thông tư 36/2014/TT-NHNN, tỷ lệ khả năng chi trả đối với từng loại đồng tiền của ABBank luôn cao hơn mức quy định của Ngân hàng nhà nước (NHNN), tỷ lệ vốn ngắn hạn dùng cho vay trung dài hạn được kiểm soát ở mức dưới 40%. Ngoài ra ABBANK vẫn bám sát theo lộ trình theo thông tư 06 mới sửa đổi đến năm 2018. Cùng với đó, các kịch bản về dòng tiền vào/ra lớn được xây dựng, làm căn cứ cho việc quản lý thanh khoản, cân đối nguồn vốn hàng ngày đảm bảo an toàn và các giới hạn GAP do ALCO phê chuẩn. Diễn biến lãi suất trên các thị trường được theo dõi chặt chẽ hàng ngày. Lãi suất nội bộ được áp dụng theo cơ chế mới và được điều chỉnh kịp thời.

- Hoạt động kinh doanh tiền tệ

Hoạt động kinh doanh chênh lệch lãi suất, khớp kỳ hạn và lệch kỳ hạn đối với VND và USD được tiếp tục triển khai, với các kỳ hạn chủ yếu 1-3 tháng, mang lại lợi nhuận cho ABBANK.

- Hoạt động đầu tư

Trong năm 2016, ABBANK tiếp tục mở rộng quan hệ, tìm kiếm các khoản đầu tư trái phiếu tại các tổ chức có uy tín, thương hiệu trên thị trường phát hành.

Tại 31/12/2016, quy mô danh mục TPCP đạt 9.683 tỷ đồng. Doanh số giao dịch cả năm đạt trên 62.614 tỷ đồng. Năm 2016, ABBANK tiếp tục hoạt động tích cực trên thị trường TPCP khi luôn nằm trong top đầu các thành viên giao dịch về tự doanh mua bán hần.

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại hối năm 2016 chứng kiến sự biến động mạnh của các đồng tiền trong 6 tháng đầu năm và chững lại ở quý III và tiếp tục tăng vọt trong tháng 11 và 12 năm 2016. Tuy nhiên, xu hướng chung của các đồng tiền chủ chốt là giảm giá so với USD. Ngân hàng nhà nước Việt Nam điều hành tỷ giá theo chính sách tỷ giá trung tâm với biên độ giao động trong khoảng $\pm 3\%$. Trước tình hình đó, ABBANK đã tích cực đáp ứng nhu cầu mua bán của khách hàng với giá cả cạnh tranh nhằm duy trì ổn định nguồn khách hàng hiện có và hỗ trợ chi nhánh tiếp cận khách hàng mới, gia tăng lợi nhuận từ kinh doanh ngoại tệ trong năm 2016.

4. Hoạt động phát triển mạng lưới và thương hiệu

4.1. Hoạt động phát triển mạng lưới

Kết quả hoạt động phát triển mạng lưới năm 2016: Đến ngày 31/12/2016, mạng lưới ABBANK có tổng cộng 159 điểm giao dịch, trong đó có 34 chi nhánh và 124 Phòng giao dịch và 1 quỹ tiết kiệm

4.2. Hoạt động marketing và phát triển thương hiệu trong năm 2016

Tham gia và được trao tặng 02 giải thưởng uy tín trong đó có 01 giải thưởng do tạp chí nước ngoài uy tín trao tặng: giải thưởng “Thương hiệu uy tín – chất lượng APEC” và giải “Ngân hàng Fastest Retail Bank Vietnam 2016”.

Hình ảnh thương hiệu của ABBANK được truyền bá trên các kênh đặc biệt là Online: fanpage ABBANK lọt top 8 các ngân hàng có lượng fan lớn nhất Việt nam; đã xây dựng tiện ích đăng ký thẻ, đăng ký vay vốn và tư vấn trực tuyến trên fanpage

Hoàn thành nâng cấp và đưa vào hoạt động hệ thống website mới cho ABBANK với giao diện thân thiện với người dùng, thích hợp với mọi thiết bị và trình duyệt, theo chuẩn hiện đại, bảo mật công nghệ cao... Bổ sung nhiều tính năng, tiện ích mới như: Tư vấn trực tuyến, tra cứu chứng thư bảo lãnh, Đăng ký vay vốn/mở thẻ online, công cụ tính toán khoản vay, v.v

ABBANK được xây dựng hình ảnh thân thiện, tích cực thông qua hoạt động tài trợ lớn, có ý nghĩa với xã hội, củng cố hình ảnh Ngân hàng Bán lẻ Thân thiện.

III. KẾT QUẢ VỀ VẬN HÀNH – TỔ CHỨC

1. Quản lý tín dụng

- Công tác Thẩm định và phê duyệt tín dụng: năm 2016 tập trung xây dựng quy trình vận hành và tác nghiệp, hoàn thành công tác phân quyền phê duyệt cho các Chuyên gia Phê duyệt tín dụng để đẩy nhanh tốc độ phê duyệt, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện Dự án khởi tạo và phê duyệt khoản vay (LOS) và xây dựng quy trình phê duyệt online đối với khách hàng SME.

Trong đó, Tình hình thực hiện các chỉ tiêu theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN của Thống đốc NHNN VN vào thời điểm 31/12/2016 như sau:

Điều 11: Trường hợp không được cấp tín dụng

- ABBANK không cấp tín dụng đối với những đối tượng quy định tại Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng.
- ABBANK không cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết.

Điều 12: Hạn chế cấp tín dụng

- ABBANK không cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho các đối tượng thuộc Điều 12 Thông tư 36 và Khoản 5 Điều 1 Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 27/05/2016

Điều 13: Giới hạn cấp tín dụng

- Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng: 8,58% vốn tự có của ABBANK (Không vi phạm, theo quy định không được vượt quá 15% Vốn tự có của Tổ chức tín dụng).
- Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một nhóm khách hàng liên quan: 24,27% vốn tự có của ABBANK (Không vi phạm, theo quy định không được vượt quá 25% Vốn tự có của Tổ chức tín dụng).

2. Quản lý rủi ro

- *Quản lý rủi ro tín dụng*

Kiểm soát rủi ro tín dụng thông qua các báo cáo danh mục tín dụng định kỳ và đột xuất; cung cấp thông tin cho các đối tượng như Ngân hàng nhà nước, cổ đông chiến lược Maybank, IFC; báo cáo cho các cấp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành: Báo cáo tình hình tín dụng toàn hàng, Báo cáo tóm lược rủi ro tại ABBank, Kiểm soát ngưỡng rủi ro tín dụng, Chỉ tiêu cam kết IFC...

Quản lý vận hành hệ thống XHTD nội bộ trên toàn hệ thống; triển khai và đào tạo chương trình XHTD khách hàng SME; điều chỉnh hệ thống XHTD; bổ sung chức năng tra cứu nhóm KHLQ và báo cáo nhóm KHLQ trên T24; thực hiện chuẩn hóa dữ liệu T24.

Dự án phân tích chênh lệch tổng thể (GAP) là tiền đề cho việc triển khai Basel II tại ABBANK và rà soát khung quản lý rủi ro.

- *Quản lý rủi ro thị trường*

Hoàn thành 6 chuyên đề tự động hóa các báo cáo rủi ro thị trường, thanh khoản.

Ban hành quy trình quản lý rủi ro (QLRR) Thanh khoản tại ABBANK, quy trình kiểm định khả năng chịu áp lực về thanh khoản tại ABBANK, các hạn mức áp dụng trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại ABBANK, quy trình phối hợp thực hiện khung giá tham chiếu trong giao dịch liên ngân hàng tại ABBANK, khung lãi suất tham chiếu áp dụng cho các giao dịch cho vay/đi vay, gửi tiền/nhận tiền gửi liên ngân hàng tại ABBANK, Kế hoạch dự phòng thanh khoản.

- *Quản lý rủi ro hoạt động*

Xây dựng và ban hành 13 văn bản về quy định, quy trình, hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý rủi ro hoạt động.

Nâng cao văn hóa quản lý rủi ro thông qua các chương trình đào tạo nội bộ.

Áp dụng nhiều giải pháp giúp gia tăng số lượng và chất lượng báo cáo rủi ro từ kênh RO.

Tham gia vào các dự án Hệ thống quản lý trạng thái rủi ro hoạt động, Basel II và Phòng chống rửa tiền.

3. Quản lý vận hành

Công tác quản lý vận hành thành công trong việc thực hiện dự án thanh toán tập trung của các Chi nhánh về Hội sở, kiểm tra tính tuân thủ nghiệp vụ thanh toán trong nước tại các Đơn vị kinh doanh. Ban hành Quy trình chuyển và nhận tiền trong nước và thực hiện đối soát dữ liệu sản phẩm Bankplus

Về quản lý rủi ro thẻ: trong quá trình tác nghiệp, rà soát giao dịch và rà soát hồ sơ đăng ký của Đơn vị chấp nhận thẻ, ABBANK đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn một số trường hợp các Đơn vị chấp nhận thẻ có dấu hiệu sai phạm, ABBANK được Visa đánh giá rất cao trong công tác Quản lý rủi ro thẻ.

Về phát triển công nghệ: hoàn thành dự án PCI DSS. ABBANK là ngân hàng thứ 7 (trong tổng số hơn 40 ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam đã và đang triển khai thanh toán và phát hành thẻ quốc tế) tại Việt Nam được trao chứng chỉ này và là ngân hàng thứ 2 nhận chứng chỉ PCI DSS V3.2 (phiên bản mới nhất của PCI) với nhiều điều kiện chặt chẽ hơn.

- Hoạt động hỗ trợ tín dụng

Chính thức triển khai ứng dụng Tra cứu chứng thư bảo lãnh trực tuyến trên Website ABBANK.

Triển khai gói đào tạo theo chuẩn chức danh Hỗ trợ tín dụng trong suốt 11 tháng.

Đưa vào sử dụng phần mềm soạn thảo bộ hợp đồng cấp tín dụng tại TT Hỗ trợ tín dụng.

4. Tiến độ thực hiện 5 mục tiêu và 20 sáng kiến chiến lược

5 mục tiêu chiến lược: tiến độ triển khai, kết quả đến 31/12/2016

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 31/12/2016	Thực hiện 31/12/2015	Ghi chú
1	Top 5 ROE trong số các ngân hàng TMCP tư doanh	4,08%	1,59%	ROE sau thuế

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 31/12/2016	Thực hiện 31/12/2015	Ghi chú
2	Thu nhập từ bán lẻ (bao gồm cá nhân và SME) chiếm tối thiểu 70% tổng thu nhập, và thu nhập từ dịch vụ (bao gồm phí bảo lãnh) chiếm tối thiểu 20% tổng thu nhập	- Tỷ lệ thu nhập từ SME và Cá Nhân/ Tổng thu nhập: 38,30% - Tỷ lệ thu nhập thuần từ dịch vụ bao gồm bảo lãnh/ Thu nhập ròng: 10,96%	- N/A - Tỷ lệ thu nhập thuần từ dịch vụ bao gồm bảo lãnh: 9,3%	Năm 2015 chưa đủ cơ sở để phân tách dữ liệu Khách hàng phân khúc SME và Doanh nghiệp lớn
3	Top 10 thương hiệu mạnh ngân hàng Việt Nam	-	-	Chưa đo lường
4	Xây dựng văn hóa và môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, thu hút người lao động được đo lường thông qua tỷ lệ hài lòng của cán bộ nhân viên toàn hàng	95,6%	90,2%	Trong thời gian qua ABBANK không ngừng cải thiện các chính sách chế độ đãi ngộ, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hòa đồng, chuẩn mực cho CBNV. Không ngừng cải thiện trang thiết bị làm việc, xây dựng và củng cố văn hóa đoàn kết thông qua các hoạt động tập thể như Teambuilding, các cuộc thi nội bộ
5	Quản trị doanh nghiệp hiện đại theo chuẩn mực quốc tế	Khung quản trị doanh nghiệp của IFC, XHTN của Moody's, BCTC theo IFRS, BASEL II		

Theo Tầm nhìn, Sứ mệnh và Mục tiêu và 20 sáng kiến chiến lược ABBANK giai đoạn 2014 – 2018 đã được HĐQT phê duyệt, 23 dự án Chiến lược ABBANK đã được Ban chỉ đạo Dự án – SC khởi động và triển khai toàn diện trong 3 năm 2014 – 2016. Tính từ 2014 đến 31/12/2016, ABBANK đã triển khai 20 dự án. Tính đến 31/12/2016, đã có 15 dự án hoàn thành; 05 dự án sẽ tiếp tục triển khai tổng thể/các giai đoạn còn lại sau 31/12/2016.

5. Quản lý Công nghệ thông tin

- *Cơ sở Hạ tầng và hỗ trợ*

Hoàn thành công tác Chiến lược - kế hoạch xây dựng BCP (Business Continuity Planning) - kế hoạch hoạt động liên tục cho Ngân hàng về mảng CNTT - xây dựng định hướng về DRP (Disaster Recovery Planning) kế hoạch khôi phục thảm họa.

Triển khai các dự án trọng điểm: Lưu chuyển chứng từ - LOS, Trục tích hợp - ESB, Phòng chống rửa tiền - AML, Nâng cấp Website ABBANK, dự án Basel II

Hoàn thành trên 20 công tác cập nhật, xây dựng Chính sách, quy trình liên quan đến CNTT, bao gồm: Quy chế An toàn bảo mật hệ thống CNTT, Quy định cấp phát và thu hồi tài nguyên hạ tầng CNTT,... và các Thông báo cảnh báo về An ninh an toàn đến CBNV toàn hàng.

Hoàn thành công tác Hỗ trợ người dùng: xây dựng kênh “Tiếp nhận và hỗ trợ yêu cầu tập trung của toàn Khối CNTT” áp dụng SLA (cam kết chất lượng dịch vụ), đã hoàn thành trên 10.400 yêu cầu hỗ trợ, và 52/71 điểm giao dịch (còn 19 điểm đang hỗ trợ) về PTML.

- *Phát triển và quản lý ứng dụng (Corebanking)*

Trong năm 2016, ABBANK đã thực hiện 250 dự án phát triển ứng dụng và một số dự án chiến lược: dự án Khởi tạo và phê duyệt khoản vay – LOS, dự án Online Banking, dự án Trục tích hợp – ESB, dự án KPI – BSC, dự án Basel II

IV. KẾT QUẢ VỀ HỌC TẬP – PHÁT TRIỂN

1. Số liệu chung về quản lý nguồn nhân lực

Tính đến 31/12/2016, tổng số nhân sự của ABBANK là 3.260 cán bộ nhân viên (CBNV). Với định hướng xây dựng đội ngũ có đạo đức nghề nghiệp, cam kết và năng suất lao động cao, các hoạt động trong năm 2016 đều tập trung đến việc phát triển yếu tố con người.

2. Các hoạt động chính đã triển khai trong năm 2016

- *Quản lý nhân sự và dịch vụ nhân sự*

Ban hành thỏa ước lao động tập thể mới; chuyển đổi và ký thỏa thuận lao động với toàn bộ nhân sự theo quy định mới của Pháp luật về tiền lương; ký thỏa thuận hợp đồng lao động với toàn bộ QHKH cá nhân thuộc các Đơn vị áp dụng phân cấp QHKH.

Xây dựng và phát triển công cụ Khung năng lực cốt lõi, Tiêu chuẩn hành vi, Hồ sơ kế nhiệm các vị trí chủ chốt.

Ứng dụng CNTT vào quản lý: Phần mềm Quản lý công việc, Phần mềm luân chuyển hồ sơ HR.

Thực hiện các chương trình, sáng kiến xây dựng môi trường làm việc: show me the money, sáng kiến tiết kiệm; thiết lập đường dây nóng HR,...

Tổ chức chương trình Suy nghĩ mới, trải nghiệm mới: để tăng trải nghiệm và hiểu biết lẫn nhau hướng tới tăng chất lượng dịch vụ nội bộ.

Lần đầu tiên thực hiện chương trình vinh danh/cám ơn Cán bộ Nhân viên công tác lâu năm tại Ngân hàng, có hiệu ứng tốt, tạo được niềm tin gắn bó cho CBNV.

Thực hiện các chương trình khảo sát đánh giá chất lượng dịch vụ nội bộ, sự hài lòng của CBNV.

- *Lương và chế độ đãi ngộ*

Xây dựng chế độ chi trả phù hợp và hiệu quả về chi phí, ban hành Quy chế thi đua-khen thưởng; thực hiện chi trả thưởng kinh doanh.

Thực hiện ABBANK care lần đầu tiên tại ABBANK đặc biệt là Happy Friday: là 1 sáng kiến được CBNV rất yêu thích.

Rà soát và tăng lương 2 đợt toàn hàng; tăng lương nâng ngạch chức danh theo đúng quy định và tiến độ.

- *Tuyển dụng*

Hoàn thành tuyển dụng khoảng 1.100 nhân sự (bao gồm tuyển mới và thay thế), gấp đôi số nhân sự tuyển dụng của 2015 (với cán bộ tuyển dụng không tăng thêm); Tuyển dụng đủ cho các điểm mở mới theo đúng tiến độ.

Thực hiện các chương trình tạo nguồn. Tham dự hơn 10 Chương trình Ngày hội việc làm tại các Trường ĐH lớn khu vực HCM, HN và các tỉnh lân cận.

Ban hành Quy trình tuyển dụng và Quỹ lương cơ bản mới; Ban hành tiêu chuẩn chức danh toàn hàng; Ban hành lộ trình thăng tiến vị trí GĐCN.

- **Đào tạo**

Tổ chức các khóa đào tạo đạt gần 150% kế hoạch; Lần đầu tiên thực hiện Chương trình Đào tạo theo chức danh trọn gói.

Triển khai thành công đào tạo E-learning cho các khóa đào tạo về sản phẩm và nghiệp vụ cơ bản; tiếp tục tổ chức đào tạo trọn gói Giám đốc Chi nhánh kế cận.

Thực hiện chương trình tăng cường nội lực Chi nhánh thí điểm.

Triển khai thành công giai đoạn 1 của lộ trình Cộng đồng học tập ABBANK.

Lần đầu tiên thực hiện chương trình TalentPool (công cụ tuyển chọn hiện đại và phù hợp), thực hiện thiết kế và ban hành lộ trình nghề nghiệp GĐCN.

Soạn thảo sổ tay I am ABBANKers: Củng cố giá trị cốt lõi của ABBANK và nâng cao hình ảnh ABBANKers chuyên nghiệp, hướng tới chất lượng dịch vụ hoàn hảo./.

MIN
S

PHỤ LỤC- BÁO CÁO KIỂM TOÁN

	Bảng cân đối kế toán (đơn vị: triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015
A	TÀI SẢN	74.431.564	64.661.508
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	633.739	573.978
II	Tiền gửi tại NHNN	1.529.072	1.737.113
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	12.326.929	11.553.327
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	2.913.123	1.273.547
2	Cho vay các TCTD khác	9.413.806	10.279.780
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	92.149	23.587
V	Cho vay khách hàng	39.209.631	30.530.486
1	Cho vay khách hàng	39.796.167	30.915.308
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	(586.536)	(384.822)
VI	Hoạt động mua nợ	342.661	-
1	Mua nợ	345.250	-
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (*)	(2.589)	-
VII	Chứng khoán đầu tư	15.056.462	15.189.676
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.512.204	11.661.971
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	3.378.637	4.076.710
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (*)	(834.379)	(549.005)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	568.489	568.624
1	Đầu tư vào công ty con	260.000	260.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết	41.905	41.905
3	Đầu tư dài hạn khác	268.791	268.791
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	(2.207)	(2.072)
IX	Tài sản cố định	829.789	980.123
1	Tài sản cố định hữu hình	535.531	567.460
A	Nguyên giá TSCĐ	870.137	849.584
B	Hao mòn TSCĐ (*)	(334.606)	(282.124)
2	Tài sản cố định vô hình	294.258	412.663
A	Nguyên giá TSCĐ	445.119	541.381
B	Hao mòn TSCĐ (*)	(150.861)	(128.718)
X	Tài sản Có khác	3.842.643	3.504.594
1	Các khoản phải thu	2.424.049	1.964.192
2	Các khoản lãi, phí phải thu	981.938	917.926
3	Tài sản Có khác	592.066	753.796
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (*)	(155.410)	(131.320)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	74.431.564	64.661.508
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.643.448	799.795
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	13.105.264	9.096.176

Bảng cân đối kế toán (đơn vị: triệu đồng)		Năm 2016	Năm 2015
1	Tiền gửi của các TCTD khác	5.939.519	1.033.719
2	Vay các TCTD khác	7.165.745	8.062.457
III	Tiền gửi của khách hàng	51.827.514	47.880.897
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	311.910	280.328
V	Phát hành giấy tờ có giá	400.000	-
VI	Các khoản nợ khác	1.340.548	844.550
1	Các khoản lãi, phí phải trả	774.246	605.492
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	566.302	239.058
	Tổng nợ phải trả	68.628.684	58.901.746
VII	Vốn chủ sở hữu	5.802.880	5.759.762
1	Vốn của TCTD	5.319.496	5.247.165
A	Vốn điều lệ	5.319.496	4.798.000
B	Thặng dư vốn cổ phần	-	449.165
2	Quỹ của TCTD	269.818	306.980
3	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	213.566	205.617
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	74.431.564	64.661.508

Báo cáo KQ HĐKD (đơn vị: triệu đồng)		2016	2015
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.440.101	4.090.259
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.648.121)	(2.430.910)
I	THU NHẬP LÃI THUẦN	1.791.980	1.659.349
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	195.362	129.779
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(72.336)	(76.575)
II	LÃI/ LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ	123.026	53.204
III	LÃI/ LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỒI	113.012	63.679
IV	LÃI/ LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH	2.121	-
V	LÃI/ LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ	165.162	131.697
5	Thu nhập từ hoạt động khác	58.601	39.908
6	Chi phí hoạt động khác	(51.033)	(13.539)
VI	LÃI/ LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC	7.568	26.369
VII	THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN	28.985	32.278
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(1.304.171)	(1.195.719)

	Bảng cân đối kế toán (đơn vị: triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015
IX	LỢI NHUẬN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG	927.683	770.857
X	CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG	(639.280)	(663.198)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	288.403	107.659
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(53.945)	(19.065)
XII	CHI PHÍ THUẾ TNDN	(53.945)	(19.065)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	234.458	88.594